

PHẨM THỨ TƯ: TRÌ TỤNG PHÁP TẮC

Có bốn phần giống như trước:

1. Giải thích tên phẩm: trong tâm năng tu thì pháp sở tu được ghi nhớ rõ ràng, cho nên nói là trì. Về phép tắc sở tu thì miệng thường đọc tụng, do đó nói là “tụng”. Pháp tắc: có khả năng giữ được Tâm Nhân, và quả báo đạt được rốt ráo không sai, cho nên nói là pháp tắc. Nói pháp trì tụng tức là pháp, thuộc về trì nghiệp thích.

2. Nguyên nhân phát ra phẩm này: trong phẩm trước, người trì tụng cúng dường cho nên dẫn đến phẩm này.

3. Tông thú: chỗ nói không sai lầm là Tông, được lợi ích cho người là thú.

4. Giải thích văn, có hai: trước nêu lên sau giải thích.

(Trong phần nêu lên)

- Hai câu đầu: kết trước khởi sau.

- Thánh thiên v.v... Thánh: là Bồ-tát. Thiên: là Tịnh, do Đức Đại nhật hóa ra, ứng với cơ Thiên.

- Trụ tướng nên ngồi: Vào đạo tràng, đối diện với Bồn tôn lập tức ngồi xuống.

- Nhập tam-muội: Chuyên chú vào một cảnh, trú tâm vào Bồn tôn, tâm không tạm bỏ.

- Tứ chủng: Văn dưới quán Bồn tôn. Trong tâm Bồn tôn tròn sáng soi thấy chữ chân ngôn, lần lượt thọ trì.

- Tịnh lực: nói khác là “Định”, trú tâm ở bốn chỗ, bên ngoài không tán động.

- Quý nghi: quán bốn thứ kia tức là khuôn mẫu phép tắc, năng sở hợp nhau.

- Có khả năng khiến cho nội tâm: tức là tự tâm; mong hợp với lý nay xứng với bốn tâm sanh vui mừng, vì thế nói là sanh hỷ lạc.

- Dùng nghĩa chân thật: tức là quán sát chân ngôn một cách sâu xa, ngộ lý bất sanh.

- Gia trì: trong chân ngôn, có quán tâm.

- Sẽ được: Lúc mới quán tâm.

- Thành đẳng dẫn: hợp với vốn bất sanh.

(Y cứ vào hậu thích, có mười môn)

1. Nhược khi niệm tụng chân ngôn cho đến đó gọi là thế gian cụ tướng hạnh, đó là “hữu tướng niệm tụng môn” thứ nhất.

2. Tứ chi thiền môn lại khác, cho đến trong phẩm du-già thắng

nghĩa có nói, đó là Vô tướng niệm tụng môn thứ hai.

3. Nên chuyển biến mình tự môn cho đến trong phẩm trước có nói là “biến tự thành thân môn”.

4. Bốn tôn Tam-muội tương ứng cho đến theo hơi thở ra vào: là Bốn tôn Tam muội tùy tức môn.

5. Hoặc tu ý chí pháp cho đến lậu vì nhất phương tiện: là “ý chí niệm thanh chân ngôn môn”.

6. Một bài kệ, từ có những người tu phước tuệ, v.v...là tu vô định môn.

7. Nếu ưa cầu hiện pháp cho đến cụ chi cúng dường nên biết như thế, là nhạo cầu hiện pháp thành tựu môn.

8. Lại vì ưa tu tập cho đến mau được thành tựu Tất-địa: là Đại Nhật tam mật tốc đắc môn.

9. Lại nữa, nếu quán niệm cho đến mau được thành tựu: là Thích ca chân ngôn thành tựu môn.

10. Từ, lại nữa chỗ ở của bốn tôn cho đến người trí phải hiểu biết: là Bí mật sự nghiệp khả giải môn.

1. *Sơ trung niệm tụng thời*: ngay khi ban đầu mới cầm tràng hạt khởi niệm đọc tụng.

- Nay: thời gian trước hết nói là “nay”.

- Phương tiện kia: khi bắt đầu niệm tụng nói là kia.

- Điều mở bày: trong phẩm cúng dường nghi thức, mở bày bốn tôn.

- Khiến tâm sạch không nhớ: là không khởi niệm tham, sân, si v.v....

- Số: số được nói đầy đủ.

- Thời phần: là giới hạn ngày tháng.

- Tượng hiện v.v... là tượng vẽ trong tháp phát ra lời tụng và ánh sáng.

- Hữu tướng: ngoài tự thân, đối tượng quán sát.

2. *Tứ chi*: trên có bốn thứ.

- Lại khác: Bên ngoài tự thân mình không quán bốn tôn. Hễ khi nào chánh quán thì thực hành từ Đại nhật.

- Thiếu: khi tu không nhiều.

- Phước: ngoài hương hoa, không có năng lực khó phân biệt.

- Thành tựu: là ngộ và khế hợp một cách mầu nhiệm về trí bản địa của đại nhật.

- Một câu dưới: đưa chứng cứ để nói, là cở nêu của ba thân Bí mật,

vốn tự thấy hình tướng của tự thân Bốn tôn.

- Thừa vị kia: là tự vị của Bốn tôn.
- Bốn là dùng tâm: là chữ hạt giống.
- Trí tâm: là tâm hoàn toàn.

Là hạt giống: Hành giả nhờ tâm niệm tụng chân ngôn nên từ nhân được quả, vì vậy gọi là hạt giống.

- Tâm Bồ-đề: là chân ngôn.
 - Mầu uất kim sắc: là mầu vàng ròng.
 - Đồng chân: là tên khác của đồng tử
- Văn-thù-sư-lợi Bồ tát chân ngôn môn.

Kế là Văn-thù nhập Phật gia trì thần lực tam-muội, gia trì tam-muội này như trên Kinh Tỳ-lô-giá-na ban đầu đã nói. Hê hê (là nghĩa kêu gọi). Câu-ma-la-ca (là nghĩa đồng tử, tức là kêu gọi mỗi vị nhớ nghĩ bốn nguyện. Lại đều là nghĩa trừ phá. Ma-la: là quyến thuộc của Ma, có chỗ nói là bốn ma. chân ngôn này lấy chữ “Ma” làm thể, tức là nghĩa “Đại không”, chứng “Đại không” này thì trừ phá, hủy hoại tất cả ma). Tỳ-mục-đế-bát-tha-tát-thể-đa (trú đạo giải thoát ấy, nghĩa là kêu gọi đồng tử này an trụ trong đạo giải thoát, tức là các Đức Phật giải thoát, có chỗ nói Niết-bàn). Bà-ma-la-bà-ma-la (là nhớ nghĩ, nhớ nghĩ), Bát-la-đế-nhiên (trước đã lập nguyện). Ý chân ngôn này nói: kêu gọi đồng tử trú trong đại giải thoát nhớ nghĩ bản nguyện đã lập. Tất cả các Đức Phật pháp thân thành Phật, nhập thân, miệng ý, Bí mật thể; tất cả người hữu tâm không thể đạt đến, nhưng nhớ bản nguyện xưa, dùng năng lực tự tại gia trì trở lại trong sanh tử cứu độ chúng sanh, ý chân ngôn này cũng như thế. Đồng tử này thành Phật pháp thân đã lâu cho nên thỉnh Ngài, lại nhớ bản nguyện cứu độ chúng sanh. Do thỉnh bản nguyện Bồ-tát, nếu có người nào thấy, nghe, hay, biết nhớ nghĩ đến Ngài thì đều đối với ba thừa mà đặc định hoàn toàn, cho đến đầy đủ tất cả nguyện. Bồ-tát này thành Phật đã lâu, cái gọi là thấy khắp Như Lai, hoặc nói hiện khắp Như Lai, vì năng lực đại bi gia trì thị hiện thân đồng tử.

Phổ Thông chủng tử tâm chân ngôn môn:

- Chữ Ca, tất cả các pháp lìa tác nghiệp:

Tiếng Phạm Ca-lý-da là nghĩa tác nghiệp, như các ngoại đạo chấp có người làm, người khiến làm v.v... Luận Sư các bộ cũng nói ba việc hòa hiệp có tác, có tác giả và có tác pháp sử dụng, nếu nhờ theo phương tiện Bát-nhã, nói có quyết định thì rơi vào vô nhân, nếu rơi vào vô nhân thì tất cả pháp không nhân, quả. Pháp năng sanh gọi là “nhân”, pháp sở sanh gọi là “quả”, đó là hai pháp vô, Tọa tác và người tọa tác chỗ sử

dụng pháp tạo tác: tội, phước, nhân, quả báo và đường Niết-bàn tất cả đều không. Lại nữa, tác và người tạo tác nhân cùng đợi sanh, nếu trong định có pháp tạo tác thì ngay trong định có người tạo tác, đó là không khác với luận nghi của ngoại đạo. Như trong phẩm Tác Giả của Trung luận chép: “Nay chính quán sát Tác, người tạo tác v.v... thấy đều từ các duyên sanh, tức là nhập “mé vốn bất sanh”.

- Mé vốn bất sanh: là có Phật, không Phật, pháp nhĩ như thị, ai tạo tác ư? Ấy, cho nên nếu thấy chữ Ca thì biết tất cả các pháp đều là tạo tác mà thành, gọi là tướng của chữ.

- Nếu có người tác pháp: phải biết rõ ráo không tạo tác gọi là nghĩa chân thật.

Nhất thiết Bồ-tát chân ngôn môn:

Nam ma tam mạn đa bột đà (quy mạng như trước). Tát bà ta (tất cả). Vi mật đế (vô tuệ, vì không có trí tuệ nên gọi là nghi; chữ này chính là giải thích danh là nghi). Vi chỉ la ninh (trừ, đây là nghĩa trừ bỏ, như người trừ bỏ phân dơ gọi là trừ phẩn). Đạt ma đà thử (pháp giới, để trừ tất cả vô tuệ, đều khiến trú trong pháp giới). Niết xà đa (sanh, chữ Niết tức là nhập Đại không, tam-muội từ đây mà sanh tức là sanh pháp giới). Sâm sâm ha (ba chữ này đều là hạt giống) Tát: là nghĩa vững chắc giống như bờ sự vững chắc này cho nên trên hết. Điểm: là tam-muội, biết Nhị thừa nhập vào Niết-bàn, đây tức là nghĩa vững chắc.

- Cho đến nếu có sự vững chắc: Tức là tướng sanh trụ. Tất cả pháp động bất động, đều là không yên, giống như trừ bỏ ở đây, do đó có nghĩa là tam-muội trùng không.

- Ha: tức là hạnh, có chỗ nói hạnh của Như Lai.

- Sẽ được bình đẳng với hư không: là lý hư không.

- Nói các pháp cũng thế: là không những chữ “Già” mà tất cả các chữ cũng đều như thế.

- Trong đầu: Là bộ não trong xương đầu.

- Chữ Sơ: là chữ A màu vàng.

- Thuần bạch: là chữ A có chấm. Là đứng đầu trên hết trong trăm “Minh”.

- Tâm: là vua trong các điều tốt đẹp.

- Nhãn giới: tức nhãn xứ.

- Chữ Vô cấu là: chữ lâm; có chỗ nói: chỗ đặt mắt.

- Hiện tiền: là chỗ mắt và tâm đều thấy.

- Chỗ tâm kia: Là tâm hoàn toàn của hành giả.

- Tùng tâm này khởi: Nhân chữ A tâm khởi chữ thanh.

- Chữ Ca làm đầu: là sơ.
- Sơ: là nhân, nhân của hạt giống.
- Tự môn: khác là tự môn riêng, bốn tôn riêng, cho nên nói hoặc là.

- Điều nên tu pháp này: Chữ Ca dùng làm hạt giống.
- Niệm dùng âm thanh chân thật: là lý không tạo tác.
- Hoặc chân ngôn sở trì: Từ chân ngôn của bốn tôn.
- Hoàn liệt: chân ngôn rộng lớn.
- Tròn sáng: là tâm tròn sáng.
- Đơn tự: là hạt giống.
- Nhân của câu: ba chữ trở lên là câu.
- Nhân: là chữ nương nhau, theo nhau. Song, trong pháp chân ngôn mỗi chữ đầy đủ pháp năng thuyên cho nên khiến hiểu biết vật.

- Theo hơi thở ra vào: Từ hơi thở.
Trong môn thứ năm, hoặc chi pháp tu ý.
- Ý chi: là phân biệt với việc ngoài tâm.
- Ứng lý: là tâm chí lý.
- Phương nãi: là nơi chốn thời gian trì tụng.
- Giải: là một mỗi
- Lại là một phương tiện: là từ nhân đến thành Phật nương một pháp này.

Trong môn thứ sáu, có những người tu phước tuệ: là người mới tụng niệm, tuệ yếu phước ít.

Trong môn thứ bảy, nếu ưa cầu hiện pháp: là người mạnh mẽ trí tuệ sâu sắc.

- Thượng: là Phật
- Trung: là Bồ-tát.
- Hạ: là Thanh văn dứt bỏ phiền não.
- Tâm thọ trì: là xét rõ ràng phân biệt để lựa chọn công việc.
- Tùy lực: Nghĩa là cũng đắc.
- Nhất lạc-xoa: là mười vạn, cũng nói là kiến. Nếu trong mỗi số không lìa bốn tôn, không tán loạn nói là đầy đủ mười vạn (một lạc-xoa). Nếu người tán loạn thì vạn vạn lạc-xoa cũng không thành tựu, cầu được định tâm được thấy Bốn tôn, cho nên nói. Kiến:

- Trải qua tháng thứ hai đầy đủ các chi phương tiện mới tu: một ngày đầu tiên của tháng thứ ba làm pháp thành tựu, nghĩa là mong đợi Đức Phật chỉ ma mới làm.

- Dùng tâm ý trì tụng: là được thấy ánh sáng v.v...

Trong đoạn thứ tám: Trải qua một tháng: đầy đủ một lạc-xoa (mười muôn) cũng nói một phen thấy.

- Kế là nói phương tiện kia: khi tụng niệm muốn đầy đủ, muốn thấy.

- Nên nương tựa: là pháp ở dưới.

Đại nhật Như Lai chủng tử tâm chân ngôn môn:

- Chữ A: là tất cả các pháp vốn bất sanh. Chữ A là nguồn gốc của tất cả giáo pháp, hễ âm đầu tiên mở miệng đều có thanh “A”, nếu là thanh A thì không có tất cả ngôn ngữ, vì thế là mẹ của tất cả các thanh. Hễ là ngôn ngữ trong ba cõi thì đều nương vào danh, mà danh nương vào chữ, do đó đều nói chữ A cũng là mẹ của các chữ. Nên biết nghĩa chân thật của tự môn A cũng lại như thế. Nghĩa cùng khắp ở trong tất cả pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp đều từ duyên sanh.

Từ duyên sanh: là đều bắt đầu có nguồn gốc. Nay quán duyên năng sanh này, cũng lại từ các nhân duyên sanh, xoay vần theo duyên cái gì là gốc? Khi quán sát như thế, thì biết mẹ vốn bất sanh, đó là nguồn gốc của muôn pháp, giống như khi nghe tất cả tiếng nói (ngữ ngôn) tức là nghe thanh “A”, như vậy thấy tất cả pháp sanh tức là thấy mẹ bản bất sanh, nếu thấy mẹ bản bất sanh tức đó là biết tự tâm như thật, biết tự tâm như thật tức là biết “nhất thiết trí”. Vì thế Tỳ-lô-giá-na chỉ lấy một chữ này làm chân ngôn. Những phàm phu ở thế gian không quán nguồn gốc của các pháp nên vọng nói có sanh, trôi theo dòng sanh tử không thể tự ra khỏi. Như người thợ vẽ vô trí kia tự vận dụng các màu sắc vẽ thành hình dáng dạ xoa đáng sợ, thành rồi lại từ mình xem, tâm sanh sợ hãi bỗng nhiên té ngã xuống đất. Chúng sanh cũng như thế, tự vận dụng nguồn gốc các pháp vẽ thành ba cõi, nhưng trở lại tự chìm đắm trong đó, thân tâm hừng cháy chịu đủ các khổ. Như Lai là người thợ vẽ có trí đã hiểu biết rồi, nên có thể tự tại thành lập Đại bi mạn-đồ-la, do đó mà nói, cái gọi là tạng Bí mật sâu xa ấy chỉ vì chúng sanh tự Bí mật mà thôi, chứ không phải Đức Phật có che dấu.

Hỏi: Chữ A này là hạt giống; trong phẩm thứ ba trước thì hạt giống hết sức mạnh mẽ, ngay trong Số nói là hạt giống “Đại nhật”. Nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Chữ A là sanh quả Bồ-đề. Chữ khiếm là hiện quả Niết-bàn, vì thế nên hai thứ hạt giống cũng không ngăn ngại.

Như Lai hào tướng chân ngôn môn: Quy mạng như trước.

- A hành, ngân nhân, nhược sanh: là dùng hạnh sanh này để thanh tịnh tất cả nhân.

- Xà: là sanh không thật có.
- Một bài tụng, như trước chuyển chữ A v.v... là khen chung chữ năng thành.
- Trụ bốn tôn Du-già trở xuống là nương vào công năng thành chữ để trang nghiêm thân hành giả.
- Trước: như trong phần trước chuyển chữ A, đem sử dụng năm chữ A v.v... gia trì trên thân hành giả, đã có thể chuyển năm chữ gia trì, cho nên nói là thành Đại nhật tôn.
- Trong phần rộng giải thích; một bài tụng, từ trụ bốn tôn Du-già v.v... là nói chỗ để an trí chữ.
- Một bài tụng, đối với tam-ma v.v... là nói chỗ tác dụng của tâm năng quán.
- Năm thứ chân ngôn tâm môn, năm chữ làm thân. Ấn hào tướng đặt giữa hai đầu chân mày, chữ A là trăm tia sáng thành quả, mở mắt vô cấu thấy lý tánh thanh tịnh, ngôi nhà lớn vô sanh.
- Một bài tụng, chữ A khắp màu vàng ròng v.v... nói về màu sắc và chỗ an trí chữ.
- Trong đây dùng làm Kim cương luân: là an trí chữ ở bốn góc vòng Kim cương, và màu sắc nhạt nhẽo của chữ.
- Gia trì vào hạ thể, chân ngôn là giữa eo.
- Du-già: là thân Phật không khác với ta, cho nên nói Du-già.
- Tòa: là nương pháp Phật mà ngồi. Thủy v.v... Du già có thể biết.
- Một bài tụng chữ xóa v.v... nói bi thủy du-già.
- Sương nhóm: là hành giả tự dốc lòng chuyên chú.
- Cũng sương nhóm: vầng trăng tròn để đặt chữ.
- Một bài tụng chữ lăm v.v... nói hiểu rõ hỏa du-già.
- Trong tam giác: là nói chỗ đặt chữ và màu sắc chữ nhạt nhẽo.
- Một bài tụng chữ hàm v.v... nói du-già tự tại.
- Phong luân: là nửa vầng trăng để đặt chữ.
- Một bài tụng chữ khự v.v... là nói Đại không du-già.
- Tường thành tất cả màu: là chẳng những chữ thành tất cả màu sắc, mà chữ đã đặt nơi bốn góc cũng thành tất cả màu sắc, chữ ở khắp nơi thì ít, cạn.
- Trăm tia sáng chiếu khắp: là chữ A có chấm.
- Vô cấu: là chữ Lăm.
- Chỗ tròn sáng của vầng trăng tâm: người có nhớ nghĩ tụng niệm đã thấy chỗ tâm của bốn tôn. Nếu không cùng sở quán với người tụng

niệm tức là tự hoàn toàn chỗ tâm.

- Thanh man: chữ hạt giống đặt ở giữa. Các chữ khác bao bọc chung quanh.

- Tùy chỗ mà thọ trì: là tự Bồn tôn chân ngôn. Trong đoạn thứ chín, Thích-ca Như Lai chân ngôn môn: Kế đến, Thích-ca Như Lai nhập vào Bảo xứ tam-muội. Bảo từ kia phát sanh ra cho nên gọi là Xứ, giống như trong biển lớn sanh ra các thứ quý, nếu đến khu vực kia, thì tùy ý cần dùng không gì không đầy đủ. Đức Phật nhập tam-muội này rồi, từ khuôn mặt Ngài phát ra các thứ ánh sáng, trong ánh sáng hiện ra chân ngôn này, cho đến khắp tất cả cõi Phật, các chân ngôn khác nên biết, như ở đây nói.

Tát-phạ-cật-lệ-xa (tất cả phiên nã). Nê tô đà na (phá diệt, chung với câu trên nói là phá diệt tất cả phiên nã). Tát phạ đạt ma (tất cả pháp). Phạ thế đa bồ la bát đa (được tự tại, chung với câu trên nói là đối với các pháp được tự tại, vì trừ các chướng). Già-già-na (hư không). Bà-na (trong thanh bằng có thanh A). Bà-na (Bà-na là nghĩa bình đẳng, tức là sánh đồng hư không, thực hành “không” vô biên thanh tịnh, đối với tất cả tự tại không chướng ngại, giống như ở giữa hư không, đồng với hư không). Câu dưới và chữ A liền với nhau là Vô đẳng. Bất đẳng: Tức là Nhị thừa, vì có chỗ thiếu sót cho nên nói là “Vô đẳng”, tức là thực hiện quyền ý). Nhưng chân ngôn này bắt đầu lấy chữ Tát làm thể. Bà là nghĩa lậu. Lập là nghĩa bền chắc. Nhập vào tự môn A là vô lậu vô kiên không rỉ chảy, không vững chắc). Nếu có vững bền tức là pháp sanh diệt bị phá hoại. Nếu khiến đồng với chữ A thì bền chắc này xưa nay bất sanh, tức là đối với các pháp được tự tại. Giống như giữa hư không có thể làm tất cả châu báu.

Riêng nói Đức Thích-ca dùng năng lực Đại bi ở khắp thân thể nhỏ nhiệm giống như Kim cương, hàng nhất xiển-đề v.v... cũng khiến thấy đây phá hoại cái thấy này mà vào pháp pháp. Ngài thực hiện nguyện rất quý báu há không phải ở đối với các pháp mà được tự tại, có thể phá tất cả sự vững chắc ư?

Như thế: hướng về Tỳ-lô-giá-na, người trong pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu-ni tụng niệm như đã trang nghiêm thân.

- Kinh này: là phân biệt với kinh khác.

- Cũng nêu như phương tiện: trước là kinh này.

- Tự môn quán: là hạt giống.

- Nếu nương vào hạnh này Như Lai: là lựa chọn Bồ-đề Kim cương,

v.v...

- Đại bi Thai tạng: là sự nghiệp Đại bi của Như Lai.
- Vương: là Đức Phật Tỳ-lô-giá-na.
- Được A-xà-lê quán đánh: là được A-xà-lê truyền pháp quán đánh. Như trong luật thọ giới Cụ túc.
- Trì minh quán đánh: như trong luật, người chưa thọ giới cụ Túc, nhưng tự làm Bốn tôn chân ngôn ấn tụng niệm, không được, học rộng. Nếu người muốn được học khắp đến nhờ Đức Phật che chở, chí thành tụng niệm, đã được che chở rồi thì thỉnh A-xà-lê truyền pháp, mong được học hết pháp quán đánh của A-xà-lê, mới có thể rộng thực hành.
- Tứ chi Thiên: là Bốn tôn v.v... chẳng những diệt trừ phiền não mà đối với người tu hành cũng đầy đủ phép tắc.
- Bốn pháp: tức là nhập Phật Tam-muội-da v.v...
Trong đoạn thứ mười có năm môn.
- 1. Hai câu đầu là chung.*
- Sở trụ của Bốn tôn: trong ba bộ v.v... được tôn vị nào?.
- Mạn-đồ-la vị: tùy theo bốn tôn được lập đàn tràng.
- Hai câu tiếp theo giải thích.
- Hình sắc kia là mâu: là mâu sắc Bốn tôn.
- Nương thử du-già này: là Bốn tôn mâu vàng, đàn tràng mâu vàng. Bốn tôn màu vàng sẫm thì đàn tràng mâu vàng sẫm.
- 2. Hai câu đầu là nêu chung.*
- Hai câu tiếp theo là giải thích sơ lược.
- Có ba chủng: là từ nhân đến quả có ba nghĩa.
- Ở trong khoảng giữa tịch tai: cũng tâm tụng niệm, ngộ ba độc phiền não bất sanh nói là vắng lặng tai họa.
- Tăng ích: Ngộ phiền não bất sanh trí tức là Phật quả, đắc Phật quả cho nên nói tăng ích.
- Hàng phục tâm: có hai nghĩa.
- 1. Sau khi thành Phật phiền não không khởi, nói là hàng phục.
- 2. Vì không khởi cho nên có công năng thu nhiếp muôn đức, cũng có nghĩa nhiếp triệu (thu nhiếp tất cả).
- Hai câu ba thuần tố v.v... là giải thích mâu sắc hình dáng kia.
- Gồm bốn phần:
- Tố: là đàn tròn.
- Giác: là đàn hình vuông
- Xích: là đàn tam giác.
- Thân huyền: đàn tràng có tám cạnh, tức là đàn tràng hoa sen.
- Thuần sắc hai thứ chữ chung cả bốn đàn tràng.

- Tám câu phía bắc v.v... là giải thích rộng tác dụng của Tất-địa”.

- Trụ trong toà hoa sen: là ngồi kiết già. Có chỗ nói trước hết chân trái đặt lên trên đùi về chân phải, sau chân phải đặt trên đùi về chân trái.

- Cát tường tọa: là chân phải đặt lên về chân trái, cũng gọi là ngồi bán già.

- Hiền tọa: là ngồi chồm hổm (ngồi xổm), hai gót chân đặt ở phần sau thân, chân sát đất.

- Tồn tọa: là phần sau không sát đất, dùng gót chân phải chống chõi chân phải không sát đất, đầu gối hơi hướng về trước một tí là đúng.

- Cờ nêu: tức là Ấn v.v...

- Tánh: là tự thể mà Bồ tôn an trụ.

- Tự thể: là tự vị.

- Hình sắc: là tướng mạo bên ngoài của Bồ tôn.

- Oai nghi: là vật báu giữ gìn .

- Tùy sở ứng: Tùy theo Bồ tôn mà cúng dường loại hương hoa gì.

- Bỏ chỗ đi xa: bỏ đi.

- Tồi hại: Đàn tràng tam giác đã làm phép; Đàn Hoa sen làm cũng được.

- Tám câu, ở đầu chân ngôn v.v... là chuyển biến chân ngôn môn.

Trong đây, hai câu đầu: Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm hồng phát sa ha: nghĩa là người tụng niệm không dính mắc ba độc, nay đồng với bất sanh cho nên nói tai họa vắng lặng.

- Hai câu kế: Nam mô tam mạn đa bột đà nẫm hồng phát: nghĩa là trong pháp thật tướng có chân thật, hành giả dùng pháp ăn uống cho nên nói thu nhiếp tất cả dụng.

- Một câu tiếp theo: Nam mô tam mạn đa bột đà nẫm, nạp ma hồng phát: Nạp-ma nghĩa là hành giả sau khi nhận pháp ăn uống, đặc pháp lực cho nên nói tăng ích dụng.

- Một câu kế tiếp: Nam mô tam mạn đa bột đà nẫm hồng phát: nghĩa là hành giả sau khi đặc pháp lực thì phiền não trần sa cùng một lúc liền diệt, cho nên nói hàng phục dụng.

- Câu kế là chung cho ba chỗ: là chỗ vắng lặng tai họa, thêm lớn lợi ích và hàng phục phiền não.
